TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Huỳnh Ngọc Anh.

- Ông Nguyễn Huy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên toà.

Ngày 28/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương T sinh năm 1983; trú tại: Số 31/24, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ sinh năm 1973; trú tại: Số 39, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông Đ kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại tổ 24, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt về còn kiếm chuyện đánh đập bà, vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, ông Đ không phụ giúp bà chăm sóc con khi con đau bệnh. Vợ

chồng bà không chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Lê Thị Uyên P sinh ngày 03/12/2007. Hiện nay con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Lê Văn Đ: Ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Đ biết; do ông Đ vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà T với bị đơn ông Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T với ông Đ kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại tổ 24, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt về còn kiếm chuyện đánh đập bà, vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, ông Đ không phụ giúp bà chăm sóc con khi con đau bệnh. Vợ chồng bà không chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Nay bà xác định

tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Đ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T với ông Đ đã trầm trọng, kéo dài, bà T với ông Đ đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Ông Đ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông Đ.

- *Về con chung:* Bà T với ông Đ có 01 con chung tên Lê Thị Uyên P sinh ngày 03/12/2007, cháu P đang ở với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên. Xét thấy, ông Đ không có ý kiến gì về con chung, bà T có yêu cầu nuôi con chung, cháu P có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao cháu P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng:* Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T với ông Đ không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Phương T, xử cho bà Trần Thị Phương T với ông Lê Văn Đ ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Uyên P sinh ngày 03/12/2007 cho bà Trần Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Ông Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà T đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008649 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 12/2003, quyển số 01/2003);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phượng Diễm